
TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA
MÔN: KINH TẾ VI MÔ

A/ CÁC NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Chương mở đầu: Khái quát về kinh tế học.

- Quy luật khan hiếm; thể hiện quy luật khan hiếm qua đường giới hạn khả năng sản xuất.
- Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và định nghĩa kinh tế học.
- Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô
- Kinh tế học thực chứng và chuẩn tắc

Chương 1: Cầu, cung và giá cả thị trường

- Cầu thị trường và các hình thức biểu hiện: biểu cầu, đường cầu, hàm số cầu.
- Phân biệt di chuyển dọc theo đường cầu (thay đổi lượng cầu) và dịch chuyển cả đường cầu (thay đổi cầu hay thay đổi sức mua)
- Cung thị trường và các hình thức biểu hiện: biểu cung, đường cung, hàm số cung.
- Phân biệt di chuyển dọc theo đường cung (thay đổi lượng cung) và dịch chuyển cả đường cung (thay đổi cung)
- Sự hình thành giá cân bằng của thị trường
- Sự thay đổi giá cân bằng thị trường theo thời gian
- Co giãn theo giá của cầu. (Độ co giãn của cầu theo giá)
- Co giãn theo thu nhập của cầu. (Độ co giãn của cầu theo thu nhập)
- Co giãn chéo. (Độ co giãn chéo của cầu)
- Co giãn theo giá của cung. (Độ co giãn của cung theo giá)
- Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (đánh thuế, quy định giá tối đa và giá tối thiểu)

Chương 2: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng

- Tổng hữu dụng và hữu dụng biên
- Các giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng.

- Đường đẳng ích (định nghĩa, hình vẽ, tính chất, các đường đẳng ích đặc biệt)
- Đường ngân sách (định nghĩa, hình vẽ, phương trình, các yếu tố làm đường ngân sách thay đổi theo thời gian).
- Phôi hợp tiêu dùng tối ưu
- Đường cầu cá nhân và đường cầu thị trường.
- Đường tiêu dùng theo giá (Đường giá cả-tiêu dùng)
- Đường tiêu dùng theo thu nhập (Đường thu nhập-tiêu dùng)
- Đường Engel

Chương 3: Lý thuyết sản xuất và chi phí

- Hàm sản xuất.
- Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi (Sản xuất trong ngắn hạn).
- Phôi hợp tối ưu hai yếu tố đầu vào biến đổi (Sản xuất trong dài hạn).
- Năng suất theo quy mô.
- Các hàm chi phí ngắn hạn.
- Các hàm chi phí dài hạn.

Chương 4: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn (hoàn hảo)

- Tổng doanh thu và doanh thu biên của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn
- Phân tích ngắn hạn: tối đa hóa lợi, tối thiểu hóa lỗ và trường hợp hòa vốn của doanh nghiệp.
- Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp
- Đường cung ngắn hạn của ngành
- Nhận xét về thị trường cạnh tranh hoàn toàn

Chương 5: Thị trường độc quyền hoàn toàn

- Tổng doanh thu và doanh thu biên của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn
- Phân tích ngắn hạn: tối đa hóa lợi và tối thiểu hóa lỗ của doanh nghiệp.
- Một số kỹ thuật định giá của doanh nghiệp độc quyền
- Phân biệt giá (cấp 3)
- Phân chia sản lượng cho các cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp
- Nhận xét về thị trường độc quyền hoàn toàn
- Chính sách kiểm soát độc quyền của chính phủ (giá tối đa và thuế)

Chương 6: Thị trường cạnh tranh độc quyền và thiếu số độc quyền.

- Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền
- Cân bằng ngắn hạn của thị trường cạnh tranh độc quyền.
- Cân bằng dài hạn của thị trường cạnh tranh độc quyền
- Nhận xét về thị trường cạnh tranh độc quyền
- Đặc điểm của thị trường thiếu số độc quyền
- Giá cả và sản lượng của hãng liên minh
- Giá cả và sản lượng của các hãng không liên minh (mô hình Cournot, Stackelberg, Bertrand, dẫn đạo giá, đường cầu gãy)
- Nhận xét về thị trường thiếu số độc quyền

B/ CÁCH THỨC ÔN TẬP

Chương mở đầu: Khái quát về kinh tế học.

- Quy luật khan hiếm; thể hiện quy luật khan hiếm qua đường giới hạn khả năng sản xuất.
 - Đọc trang 11 đến trang 14 sách HƯỚNG DẪN HỌC KINH TẾ VI MÔ (HDHKTVM)
- Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế và định nghĩa kinh tế học.
 - Đọc trang 10 sách Kinh tế vi mô (KTVM) và trang 10 sách HDHKTVM
- Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô
 - Đọc trang 12, 13 KTVM và trang 18 HDHKTVM
- Kinh tế học thực chứng và chuẩn tắc
 - Đọc trang 13, 14 KTVM và trang 19,20 HDHKTVM

Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 17 đến trang 28 sách KTVM

Chương 1: Cầu, cung và giá cả thị trường

- Cầu thị trường và các hình thức biểu hiện: biểu cầu, đường cầu, hàm số cầu.
 - Đọc trang 29, 30 KTVM
 - Đọc trang 27, 28 HDHKTVM
- Phân biệt di chuyển dọc theo đường cầu (thay đổi lượng cầu) và dịch chuyển cả đường cầu (thay đổi cầu hay thay đổi sức mua)

- Đọc trang 31 KTVM
- Đọc trang 29 HDHKTVM
- Cung thị trường và các hình thức biểu hiện: biểu cung, đường cung, hàm số cung.
 - Đọc trang 32,33 KTVM
 - Đọc trang 30 HDHKTVM
- Phân biệt di chuyển dọc theo đường cung (thay đổi lượng cung) và dịch chuyển cả đường cung (thay đổi cung)
 - Đọc trang 33 KTVM
 - Đọc trang 31 HDHKTVM
- Sự hình thành giá cân bằng của thị trường
 - Đọc trang 34,35 KTVM
 - Đọc trang 31,32 HDHKTVM
- Sự thay đổi giá cân bằng thị trường theo thời gian
 - Đọc trang 36 KTVM
 - Đọc trang 32,33 HDHKTVM
- Co giãn theo giá của cầu. (Độ co giãn của cầu theo giá)
 - Đọc trang 37 đến 39 KTVM
 - Đọc trang 38 đến 40 HDHKTVM
- Co giãn theo thu nhập của cầu. (Độ co giãn của cầu theo thu nhập)
 - Đọc trang 39 KTVM
 - Đọc trang 41 HDHKTVM
- Co giãn chéo. (Độ co giãn chéo của cầu)
 - Đọc trang 40 KTVM
 - Đọc trang 42 HDHKTVM
- Co giãn theo giá của cung. (Độ co giãn của cung theo giá)
 - Đọc trang 40,41 KTVM
- Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường (đánh thuế, quy định giá tối đa và giá tối thiểu)
 - Đọc trang 41 đến 43 KTVM
 - Đọc trang 45 đến 48 HDHKTVM

- ***Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 44 đến trang 68 sách KTVM***

Chương 2: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng

- Tổng hữu dụng và hữu dụng biên
 - Đọc trang 69 đến 71 KTVM
 - Đọc trang 54 đến 56 HDHKTVM
- Các giả thiết cơ bản về sở thích của người tiêu dùng.
 - Đọc trang 82 đến 85 KTVM
 - Đọc trang 67 HDHKTVM
- Đường đẳng ích (định nghĩa, hình vẽ, tính chất, các đường đẳng ích đặc biệt)
 - Đọc trang 85 đến 89 KTVM
 - Đọc trang 69 HDHKTVM
- Đường ngân sách (định nghĩa, hình vẽ, phương trình, các yếu tố làm đường ngân sách thay đổi theo thời gian).
 - Đọc trang 89 đến 91 KTVM
 - Đọc trang 70,71 HDHKTVM
- Phôi hợp tiêu dùng tối ưu
 - Đọc trang 92, 93 KTVM
 - Đọc trang 71 đến 73 HDHKTVM
- Đường cầu cá nhân và đường cầu thị trường.
 - Đọc trang 93 đến 95 KTVM
- Đường tiêu dùng theo giá (Đường giá cả-tiêu dùng)
 - Đọc trang 95,96 KTVM
 - Đọc trang 73,74 HDHKTVM
- Đường tiêu dùng theo thu nhập (Đường thu nhập-tiêu dùng) và đường Engel
 - Đọc trang 97,98 KTVM
 - Đọc trang 75,76 HDHKTVM
- ***Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 100 đến trang 120 sách KTVM***

Chương 3: Lý thuyết sản xuất và chi phí

- Hàm sản xuất.
 - Đọc trang 121,122 KTVM
 - Đọc trang 82,83 HDHKTVM
- Sản xuất với một yếu tố đầu vào biến đổi (Sản xuất trong ngắn hạn).
 - Đọc trang 122 đến 125 KTVM
 - Đọc trang 83 đến 85 HDHKTVM
- Phối hợp tối ưu hai yếu tố đầu vào biến đổi (Sản xuất trong dài hạn).
 - Đọc trang 125 đến 127 KTVM
 - Đọc trang 86,87 HDHKTVM
- Năng suất theo quy mô.
 - Đọc trang 128,129 KTVM
 - Đọc trang 88,89 HDHKTVM
- Các hàm chi phí ngắn hạn (**phần này rất quan trọng, cần học kỹ vì liên quan đến những chương sau**)
 - Đọc trang 130 đến 134 KTVM
 - Đọc trang 98 đến 102 HDHKTVM
- Các hàm chi phí dài hạn.
 - Đọc trang 135 đến 137 KTVM
 - Đọc trang 102 đến 104 HDHKTVM
- *Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 137 đến trang 152 sách KTVM*

Chương 4: Thị trường cạnh tranh hoàn toàn (hoàn hảo)

- Tổng doanh thu và doanh thu biên của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn
 - Đọc trang 153,154 KTVM
 - Đọc trang 111,112 HDHKTVM
- Phân tích ngắn hạn: tối đa hóa lời, tối thiểu hóa lỗ và trường hợp hòa vốn của doanh nghiệp.
 - Đọc trang 155 đến 160 KTVM
 - Đọc trang 112 đến 115 HDHKTVM
- Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp
 - Đọc trang 160,161 KTVM

- Đọc trang 115,116 HDHKTVM
- Đường cung ngắn hạn của ngành
 - Đọc trang 161,162 KTVM
 - Đọc trang 116 HDHKTVM
- Nhận xét về thị trường cạnh tranh hoàn toàn
 - Đọc trang 170,171 KTVM
- ***Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 171 đến trang 190 sách KTVM***

Chương 5: Thị trường độc quyền hoàn toàn

- Tổng doanh thu và doanh thu biên của doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn
 - Đọc trang 191,192 KTVM
 - Đọc trang 122,123 HDHKTVM
- Phân tích ngắn hạn: tối đa hóa lời và tối thiểu hóa lỗ của doanh nghiệp.
 - Đọc trang 193 đến 195 KTVM
 - Đọc trang 123 đến 125 HDHKTVM
- Một số kỹ thuật định giá của doanh nghiệp độc quyền
 - Đọc trang 196 KTVM
 - Đọc trang 125 đến 127 HDHKTVM
- Phân biệt giá (cấp 3)
 - Đọc trang 197,198 KTVM
- Phân chia sản lượng cho các cơ sở trực thuộc của doanh nghiệp
 - Đọc trang 199,200 KTVM
- Nhận xét về thị trường độc quyền hoàn toàn
 - Đọc trang 202 KTVM
- Chính sách kiểm soát độc quyền của chính phủ (giá tối đa và thuế)
 - Đọc trang 203 đến 207 KTVM
 - Đọc trang 127 đến 129 HDHKTVM
- ***Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 207 đến trang 226 sách KTVM***

Chương 6: Thị trường cạnh tranh độc quyền và thiểu số độc quyền.

- Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền
 - Đọc trang 227,228 KTVM
 - Đọc trang 135 HDHKTVM
- Cân bằng ngắn hạn của thị trường cạnh tranh độc quyền.
 - Đọc trang 228 KTVM
 - Đọc trang 136 HDHKTVM
- Cân bằng dài hạn của thị trường cạnh tranh độc quyền
 - Đọc trang 229,230 KTVM
 - Đọc trang 136 HDHKTVM
- Nhận xét về thị trường cạnh tranh độc quyền
 - Đọc trang 231,232 KTVM
- Đặc điểm của thị trường thiếu số độc quyền
 - Đọc trang 232 KTVM
 - Đọc trang 137 HDHKTVM
- Giá cả và sản lượng của hãng liên minh
 - Đọc trang 233,234 KTVM
 - Đọc trang 139 HDHKTVM
- Giá cả và sản lượng của các hãng không liên minh (mô hình Cournot, Stackelberg, Bertrand, dẫn đạo giá, đường cầu gãy)
 - Đọc trang 235 đến 242 KTVM
 - Đọc trang 140,141 HDHKTVM
- Nhận xét về thị trường thiếu số độc quyền
 - Đọc trang 249,250 KTVM
- *Đọc tóm tắt chương, làm câu hỏi trắc nghiệm và đối chiếu kết quả, đọc Bài tập mẫu có lời giải, thực hành bài tập tự luận, từ trang 250 đến trang 267 sách KTVM*

C/ HƯỚNG DẪN LÀM BÀI KIỂM TRA

1/ Hình thức kiểm tra và kết cấu đề

- Đề kiểm tra bao gồm 40 câu trắc nghiệm được trích từ ngân hàng đề thi.
- Hình thức thi trắc nghiệm nên nội dung đề kiểm tra đủ tất cả các chương, sinh viên không thể học tủ.

- Tuy là hình thức trắc nghiệm nhưng nội dung không chỉ là lý thuyết mà còn có cả phần tính toán để tìm đáp số đúng. Do vậy sinh viên cần đọc bài tập tự luận có lời giải và luyện tập bài tập tự luận không có lời giải vào cuối mỗi chương.
- Cơ cấu đề thi được phân bổ như sau:
 - Chương mở đầu: 2 câu
 - Chương 1: 10 câu
 - Chương 2: 9 câu
 - Chương 3: 8 câu
 - Chương 4: 5 câu
 - Chương 5: 4 câu
 - Chương 6: 2 câu

2/ Hướng dẫn cách làm bài phần trắc nghiệm

- Chọn câu trả lời đúng nhất và điền vào bảng trả lời. Có thể đánh trước trên đề và điền vào sau, nhưng phải dành thời gian cho việc này vì **KHÔNG ĐÁNH VÀO BẢNG TRẢ LỜI SẼ KHÔNG ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM**.
- Chọn câu dễ làm trước.

D/ ĐỀ THI MẪU

(Thời gian làm bài: 90 phút – Được tham khảo tài liệu giấy khi làm bài thi)

Câu 1. Câu nào dưới đây thuộc Kinh tế học vi mô?

- Khi một công nhân được tăng lương, anh ta có xu hướng mua hàng hóa cao cấp nhiều hơn
- Tỷ lệ thất nghiệp ở nước Anh tăng nhanh trong những năm đầu thập niên 80.
- Thu nhập của nền kinh tế tăng lên thường dẫn đến chi tiêu của người dân tăng
- Lãi suất cao sẽ làm giảm đầu tư.

Câu 2. Một điểm **không** nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất là:

- Không thể thực hiện được.
- Thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả
- Không thể thực hiện được hoặc thực hiện được nhưng nền kinh tế hoạt động không hiệu quả.
- Thực hiện được và nền kinh tế hoạt động hiệu quả

Câu 3. Giá máy tính cá nhân trên thị trường tăng làm cho:

- Lượng cầu máy tính cá nhân tăng.

- b. Lượng cầu máy tính cá nhân giảm.
- c. Đường cầu máy tính cá nhân dịch chuyển sang trái.
- d. Đường cầu máy tính cá nhân dịch chuyển sang phải.

Câu 4. Chọn câu **đúng** trong các câu dưới đây:

- a. Giá hàng hóa X tăng làm cho cầu đối với hàng hóa Y giảm, X và Y được xem là hai hàng hóa bổ sung
- b. Khi thu nhập của người tiêu dùng tăng sẽ làm cho nhu cầu đối với tất cả các loại hàng hóa tăng lên.
- c. Hàng hóa thứ cấp là loại hàng hóa được tiêu dùng nhiều hơn khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên
- d. Khi giá hàng hóa thay đổi sẽ làm cho đường cầu hàng hóa đó dịch chuyển

Câu 5. Hàm số cầu và hàm số cung của một sản phẩm lần lượt là: $Q^D = 2000 - 30P$ và $Q^S = 400 + 10P$. Giá và sản lượng cân bằng là:

- a. $P=50; Q=900$
- b. $P=60; Q=60$
- c. $P=800; Q=40$
- d. $P=40; Q=800$

Câu 6. Thị trường sản phẩm A có hàm cầu là $P = -2Q_D + 2500$; hàm cung là $P = Q_S + 100$. Do cầu sản phẩm A tăng nên giá cân bằng tăng từ 900 lên 1200. Lượng cân bằng tương ứng với giá 1200 là:

- a. $Q = 1300$
- b. $Q = 1100$
- c. $Q = 1000$
- d. Chưa xác định được.

Câu 7. Câu nào dưới đây **sai**:

- a. Nếu hai hàng hóa là hàng hóa bổ sung, độ co giãn của cầu theo giá chéo là một số dương
- b. Độ co giãn của cầu theo giá là % thay đổi của lượng cầu khi giá thay đổi 1%.
- c. Độ co giãn của cầu theo thu nhập là % thay đổi của lượng cầu khi thu nhập của người tiêu dùng thay đổi 1%.
- d. Đối với hàng thông thường, trong dài hạn cầu co giãn theo giá lớn hơn trong ngắn hạn

Câu 8. Khi độ co giãn của cầu theo giá chéo là một số âm, ta có thể kết luận:

- a. Hai hàng hóa đó là hàng hóa thay thế
- b. Hai hàng hóa đó không liên quan với nhau
- c. Hai hàng hóa đó là hàng hóa bổ sung
- d. Hai hàng hóa đó là hàng hóa thứ cấp

Câu 9. Khi giá sản phẩm X tăng 20% thì lượng cầu sản phẩm X giảm 15%. Vậy tổng số tiền mà người tiêu dùng chi cho sản phẩm X sẽ:

- a. Giảm
- b. Tăng
- c. Không đổi
- d. Không xác định được

Câu 10. Khi giá một loại hàng hóa tăng 10%, lượng cầu hàng hóa đó giảm 15%. Độ co giãn của cầu theo giá là:

- a. Co giãn ít b. Co giãn hoàn toàn c. Co giãn đơn vị d. Co giãn nhiều

Câu 11. Hàm số cầu và hàm số cung thị trường của mặt hàng X là: $P^D = -(4/5)Q^D + 150$; $P^S = (6/5)Q^S + 40$. Hệ số co giãn của cầu theo giá tại mức giá cân bằng là:

- a. $E_p = -2,41$ b. $E_p = -1,54$ c. $E_p = -1,927$ d. $E_p = -0,648$

Câu 12. Khi chính phủ đánh thuế lên một loại hàng hóa, nếu co giãn của cầu theo giá ít hơn cung thì:

- a. Người tiêu dùng sẽ gánh chịu nhiều thuế hơn nhà sản xuất
b. Nhà sản xuất chịu thuế nhiều hơn người tiêu dùng
c. Nhà sản xuất và người tiêu dùng sẽ chia đều số thuế
d. Người tiêu dùng sẽ chịu toàn bộ thuế

Câu 13. Câu nào dưới đây **đúng**:

- a. Thu nhập của người tiêu dùng thay đổi sẽ làm độ dốc và vị trí của đường ngân sách thay đổi
b. Đường đẳng ích luôn luôn dốc xuống từ trái sang phải
c. Người tiêu dùng sẽ tối đa hóa hữu dụng khi đường ngân sách tiếp xúc đường đẳng lượng
d. Khi giá X tăng, nếu tác động thay thế đúng bằng tác động thu nhập, thì X không phải là hàng hóa bình thường cũng không phải là hàng hóa thứ cấp

Câu 14. Đường đẳng ích biểu thị tất cả những phối hợp tiêu dùng giữa hai loại sản phẩm mà người tiêu dùng:

- a. Đạt mức hữu dụng tăng dần b. Đạt mức hữu dụng như nhau
c. Đạt mức hữu dụng giảm dần d. Đạt mức hữu dụng cao nhất

Câu 15. Tại điểm phối hợp tối ưu của người tiêu dùng, ta có thể kết luận là

- a. Độ dốc của đường ngân sách bằng với độ dốc của đường đẳng ích
b. Tỷ lệ thay thế biên bằng tỷ giá của hai sản phẩm
c. Người tiêu dùng đạt được lợi ích tối đa trong giới hạn của ngân sách
d. Các câu trên đều đúng

Câu 16. Tỷ lệ thay thế biên được thể hiện trên đồ thị là:

- a. Độ dốc của đường ngân sách
- b. Độ dốc của đường tổng hữu dụng
- c. Độ dốc của đường đẳng ích
- d. Độ dốc của đường đẳng phí

Câu 17. Nếu tiêu dùng chưa đạt bảo hòa, quy luật hữu dụng biên giảm dần ngụ ý rằng, khi tiêu dùng tăng thêm:

- a. Tổng hữu dụng tăng và hữu dụng biên tăng
- b. Tổng hữu dụng giảm và hữu dụng biên giảm
- c. Tổng hữu dụng giảm và hữu dụng biên tăng
- d. Tổng hữu dụng tăng và hữu dụng biên giảm

Câu 18. Một người tiêu dùng dành 140 đvt để mua hai hàng hóa X và Y, giá của X là $P_X = 20$ đvt; giá của Y là $P_Y = 10$ đvt. Với số liệu về hữu dụng biên cho trong bảng thì tổng hữu dụng tối đa mà người này đạt được là:

Số lượng	1	2	3	4	5	6	7
MU_X	30	28	26	24	22	20	18
MU_Y	12	10	6	4	3	2	1

- a. 172
- b. 192
- c. 132
- d. 126

Câu 19. Một người tiêu dùng dành 100 ngàn đồng để chi tiêu cho hai sản phẩm X và Y. Giá của X là 4 ngàn đồng, giá của Y là 6 ngàn đồng. Phương trình đường ngân sách của người này là:

- a. $4x + 6y = 100$
- b. $2x + 3y = 50$
- c. $x + 3/2y = 25$
- d. Các câu kia đều đúng

Câu 20. Một người tiêu dùng chi toàn bộ thu nhập để mua hai hàng hóa X và Y với số lượng mà tại đó $MU_X/P_X < MU_Y/P_Y$ nên tổng hữu dụng không đạt tối đa. Để tối đa hóa hữu dụng, người tiêu dùng nên:

- a. Tăng mua X, giảm mua Y
- b. Tăng mua Y, giữ nguyên lượng mua X
- c. Tăng mua Y, giảm mua X
- d. Giảm mua X, giữ nguyên lượng mua Y

Câu 21. Đường cầu thị trường là:

- a. Tổng lượng cầu của những người tiêu dùng tại các mức giá
- b. Tổng các mức giá người tiêu dùng sẵn lòng trả ở một lượng cầu nhất định
- c. Tổng hữu dụng người tiêu dùng có được ở mỗi lượng cầu
- d. Cho thấy giá tối thiểu người tiêu dùng sẵn lòng trả ở mỗi lượng cầu

Câu 22. Đường đẳng lượng có đặc điểm là

- a. Độ dốc âm
- b. Mặt lồi hướng về gốc tọa độ
- c. Không cắt nhau
- d. Các câu khác đều đúng

Câu 23. Một doanh nghiệp có hàm sản xuất: $Q = -50 + 5L - 0,02L^2$ thì hàm năng suất biên là:

- a. $MP_L = -50/L + 10 - 0,02L$
- b. $MPL = 5 - 0,04L$
- c. $MP_L = 10 - 0,04L$
- d. $MP_L = 5 - 0,02L$

Câu 24. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về chi phí cố định trung bình (AFC)

- a. Được biểu diễn bằng đường thẳng song song với trục hoành
- b. AFC giảm khi sản lượng tăng
- c. AFC bằng TFC chia cho Q
- d. Luôn nhỏ hơn AC

Câu 25. Chi phí biên được thể hiện trên đồ thị bởi:

- a. Độ dốc của đường TFC
- b. Độ dốc của đường TVC
- c. Độ dốc của đường AVC
- d. Độ dốc của đường MC

Câu 26. Đường chi phí ngắn hạn nào dưới đây không có dạng chữ U:

- a. MC
- b. AVC
- c. AFC
- d. AC

Câu 27. Một nhà đầu tư có 100 triệu đồng và chỉ có thể đầu tư vào một trong ba phương án A, B, C. Lợi nhuận kế toán dự kiến của các phương án lần lượt là 30 triệu, 20 triệu và 10 triệu. Nếu phương án A được chọn thì lợi nhuận kinh tế đạt được là:

- a. 20 triệu
- b. 30 triệu
- c. 10 triệu
- d. 0

Câu 28. Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp có dạng $TC = 100 + 2q + q^2$. Câu nào dưới đây **không đúng**:

- a. Chi phí trung bình: $AC = 2 + q$
- b. Tổng chi phí biến đổi: $TVC = 2q + q^2$
- c. Tổng chi phí cố định: $TFC = 100$
- d. Chi phí biên: $MC = 2 + 2q$

Câu 29. Trong kinh tế học, ngắn hạn là khoảng thời gian:

- a. Đủ để doanh nghiệp có thể thay đổi số lượng của một số yếu tố đầu vào nhưng quá ngắn để doanh nghiệp có thể thay đổi số lượng của tất cả các yếu tố đầu vào

- b. Một năm hay ít hơn
- c. Quá ngắn để có thể tăng hay giảm sản lượng
- d. Quá ngắn để doanh nghiệp có thể có lợi nhuận

Câu 30. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo là:

- a. Phần đường MC tính từ điểm cực tiểu của MC trở lên
- b. Phần đường MC tính từ điểm cực tiểu của AC trở lên
- c. Phần đường MC trên AFC
- d. Phần đường MC tính từ điểm cực tiểu của AVC trở lên

Câu 31. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:

- a. Tất cả các doanh nghiệp đều là người định giá
- b. Các doanh nghiệp bán các sản phẩm có chút ít khác biệt
- c. Không có trở ngại nào đối với việc gia nhập hay rút khỏi ngành
- d. Các doanh nghiệp không thể hành động độc lập mà phụ thuộc lẫn nhau

Câu 32. Trong trường hợp nào doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo sẽ đóng cửa trong ngắn hạn?

- a. P thấp hơn MC_{\min}
- b. P thấp hơn AVC_{\min}
- c. P thấp hơn AC_{\min}
- d. P thấp hơn AFC

Câu 33. Chi phí sản xuất ngắn hạn của một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo cho trong bảng sau:

q	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TC	230	330	400	430	510	610	730	860	1010	1190	1390

Với giá trên thị trường là $P = 180$ thì sản lượng của doanh nghiệp là:

- a. $q = 5$
- b. $q = 9$
- c. $q = 10$
- d. $q = 0$

Câu 34. Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo có dạng $TC = 100 + 5q + q^2$. Nếu giá thị trường là $P=45$ thì lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp là:

- a. 250
- b. 350
- c. 300
- d. 400

Câu 35. Khi chính phủ đánh thuế không theo sản lượng (thuế khoán, thuế gộp, thuế TNDN) đối với doanh nghiệp độc quyền, ai sẽ được lợi trực tiếp từ chính sách này?

- a. Ngân sách của chính phủ
- b. Người tiêu dùng

c. Nhà sản xuất

d. Nhà cung cấp nguyên liệu

Câu 36. Hàm tổng chi phí của doanh nghiệp có dạng $TC = 100 + 2Q + Q^2$. Nếu doanh nghiệp hoạt động trong thị trường độc quyền hoàn toàn với đường cầu $P = 62 - Q$ thì sản lượng và mức giá để lợi nhuận cực đại là:

a. $Q = 15, P = 77$

b. $Q = 15, P = 47$

c. $Q = 20, P = 42$

d. $Q = 20, P = 82$

Câu 37. Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền sẽ sản xuất ở mức sản lượng thỏa điều kiện:

a. $MC=MR$

b. $P=MC$

d. $P=MC=MR$

d. $P = AC \text{ min}$

Câu 38. Một doanh nghiệp độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có chi phí biên là 30 và doanh thu biên là 20 và không đạt lợi nhuận tối đa. Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp này nên:

a. Giảm giá và tăng số lượng bán

b. Tăng giá và giảm số lượng bán

c. Tăng giá và giữ nguyên số lượng bán

d. Tăng giá và tăng số lượng bán

Câu 39. Ý nào dưới đây giải thích hiện tượng các doanh nghiệp cạnh tranh độc quyền không có lợi nhuận kinh tế trong dài hạn:

a. Các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả

b. Đường cầu đối với mỗi doanh nghiệp là đường dốc xuống

c. Không có rào cản gia nhập ngành

d. Sự khác biệt của các sản phẩm

Câu 40. Ý nào sau đây đúng với cả ba thị trường: độc quyền, cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm:

a. Sản phẩm của các doanh nghiệp giống nhau

b. Lợi nhuận kinh tế trong dài hạn bằng không

c. Doanh nghiệp có thể tự do gia nhập hay rút khỏi ngành

d. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận được xác định tại giao điểm của đường MR và MC
